

CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM LUẬT THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG – PHẦN 1
Dùng cho Lớp ôn thi chứng chỉ đại lý thuế

1. Phần câu hỏi lý thuyết

Câu 1. Đặc điểm nào dưới đây không phải của Thuế giá trị gia tăng:

- a. Gián thu
- b. Đánh nhiều giai đoạn
- c. Trùng lấp
- d. Có tính trung lập cao

Câu 2. Đối tượng chịu Thuế giá trị gia tăng là:

- a. Hàng hoá dịch vụ sản xuất, kinh doanh ở Việt Nam
- b. Hàng hoá, dịch vụ mua của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài.
- c. Hàng hoá, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng ở Việt Nam (bao gồm cả hàng hoá, dịch vụ mua của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài), trừ các đối tượng không chịu Thuế giá trị gia tăng.
- d. Tất cả các đáp án trên.

Câu 3. Hàng hoá, dịch vụ nào sau đây thuộc đối tượng không chịu Thuế gia trị gia tăng:

- a. Hàng hóa xuất khẩu ra nước ngoài, kể cả uỷ thác xuất khẩu.
- b. Hàng hoá gia công chuyển tiếp
- c. Hàng hoá xuất khẩu tại chỗ
- d. Sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến theo quy định của Chính phủ.

Câu 4. Hàng hoá, dịch vụ nào sau đây thuộc đối tượng không chịu Thuế giá trị gia tăng:

- a. Nạo vét kênh mương nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp.
- b. Nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt.
- c. Phân bón
- d. Thức ăn gia súc, gia cầm và thức ăn cho vật nuôi khác.

Câu 5. Đối với hàng hoá, dịch vụ dùng để trao đổi, tiêu dùng nội bộ, giá tính Thuế giá trị gia tăng là:

- a. Giá bán chưa có Thuế giá trị gia tăng
- b. Giá bán đã có Thuế giá trị gia tăng
- c. Giá tính thuế của hàng hoá, dịch vụ cùng loại

d. Giá tính thuế của hàng hoá, dịch vụ cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm phát sinh hoạt động trao đổi, tiêu dùng nội bộ.

Câu 6. Đối với hàng hoá luân chuyển nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất kinh doanh, giá tính Thuế giá trị gia tăng là:

- a. Không phải tính và nộp Thuế giá trị gia tăng
- b. Giá bán chưa có Thuế giá trị gia tăng
- c. Giá bán đã có Thuế giá trị gia tăng
- d. Giá tính thuế của hàng hoá, dịch vụ cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm phát sinh các hoạt động này.

Câu 7. Hàng hoá luân chuyển nội bộ là hàng hoá:

- a. Do cơ sở kinh doanh xuất bán
- b. Do cơ sở kinh doanh cung ứng sử dụng cho tiêu dùng của cơ sở kinh doanh
- c. Để tiếp tục quá trình sản xuất trong một cơ sở sản xuất, kinh doanh
- d. Do cơ sở kinh doanh biếu, tặng

Câu 8. Giá tính Thuế giá trị gia tăng đối với hàng hoá nhập khẩu là:

- a. Giá chưa có Thuế giá trị gia tăng
- b. Giá chưa có Thuế giá trị gia tăng, đã có Thuế tiêu thụ đặc biệt
- c. Giá chưa có Thuế giá trị gia tăng, đã có Thuế nhập khẩu
- d. Giá nhập khẩu tại cửa khẩu cộng (+) với Thuế nhập khẩu (nếu có), cộng (+) với Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có).

Câu 9. Trường hợp xây dựng, lắp đặt có bao thầu nguyên vật liệu, giá tính Thuế giá trị gia tăng là:

- a. Giá trị xây dựng lắp đặt thực tế
- b. Giá xây dựng, lắp đặt không bao gồm giá trị nguyên vật liệu, chưa có Thuế giá trị gia tăng
- c. Giá xây dựng, lắp đặt bao gồm cả giá trị nguyên vật liệu chưa có Thuế giá trị gia tăng
- d. Giá tính thuế hạng mục công trình hoặc giá trị khối lượng công việc hoàn thành bàn giao chưa có Thuế giá trị gia tăng.

Câu 10. Trường hợp xây dựng, lắp đặt không bao thầu nguyên vật liệu, giá tính Thuế giá trị gia tăng là:

- a. Giá trị xây dựng lắp đặt thực tế
- b. Giá xây dựng lắp đặt không bao gồm giá trị nguyên vật liệu, chưa có Thuế giá trị gia tăng.

- c. Giá xây dựng, lắp đặt bao gồm cả giá trị nguyên vật liệu chưa có Thuế giá trị gia tăng.
- d. Giá tính thuế hạng mục công trình hoặc giá trị khối lượng công việc hoàn thành bàn giao chưa có Thuế giá trị gia tăng.

Câu 11. Trường hợp xây dựng, lắp đặt thực hiện thanh toán theo hạng mục công trình hoặc giá trị khối lượng xây dựng, lắp đặt hoàn thành bàn giao, giá tính Thuế giá trị gia tăng là:

- a. Giá trị xây dựng lắp đặt thực tế.
- b. Giá xây dựng lắp đặt không bao gồm giá trị nguyên vật liệu, chưa có Thuế giá trị gia tăng.
- c. Giá xây dựng, lắp đặt bao gồm cả giá trị nguyên vật liệu chưa có Thuế giá trị gia tăng.
- d. Giá tính thuế hạng mục công trình hoặc giá trị khối lượng công việc hoàn thành bàn giao chưa có Thuế giá trị gia tăng.

Câu 12. Đối với kinh doanh bất động sản, giá tính Thuế giá trị gia tăng là:

- a. Giá chuyển nhượng bất động sản.
- b. Giá chuyển nhượng bất động sản trừ giá đất.
- c. Giá chuyển nhượng bất động sản trừ giá đất (hoặc giá thuê đất) thực tế tại thời điểm chuyển nhượng.
- d. Giá bán nhà và chuyển quyền sử dụng đất.

Câu 13. Thuế suất 0% không áp dụng đối với:

- a. Hàng hoá xuất khẩu
- b. Dịch vụ xuất khẩu
- c. Vận tải quốc tế
- d. Xe ô tô bán cho tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan

Câu 14. Số Thuế giá trị gia tăng phải nộp theo phương pháp khấu trừ thuế được xác định bằng (=)?

- a. Số Thuế giá trị gia tăng đầu ra trừ (-) số Thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ.
- b. Tổng số Thuế giá trị gia tăng đầu ra
- c. Giá trị gia tăng của hàng hoá, dịch vụ chịu thuế bán ra nhân (x) với thuế suất Thuế giá trị gia tăng của loại hàng hoá, dịch vụ đó.
- d. Số thuế giá trị gia tăng đầu ra trừ (-) số thuế giá trị gia tăng đầu vào.

Câu 15. Phương pháp khấu trừ thuế áp dụng đối với đối tượng nào sau đây?

- a. Cá nhân, hộ kinh doanh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật.
- b. Tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh không theo Luật Đầu tư và các tổ chức khác không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật.
- c. Hoạt động kinh doanh mua bán, vàng, bạc, đá quý, ngoại tệ.
- d. Cơ sở kinh doanh thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật về kế toán, hoá đơn, chứng từ và đăng ký nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế.

Câu 16. Khi bán hàng ghi thuế suất cao hơn quy định mà cơ sở kinh doanh chưa tự điều chỉnh, cơ quan thuế kiểm tra, phát hiện thì xử lý như sau:

- a. Được lập lại hoá đơn mới theo đúng thuế suất quy định.
- b. Phải kê khai, nộp thuế theo mức thuế suất ghi trên hoá đơn.
- c. Phải kê khai, nộp thuế theo mức thuế suất quy định.
- d. Không phải kê khai, nộp thuế.

Câu 17. Khi cơ quan thuế thanh tra, kiểm tra thuế phát hiện trường hợp hoá đơn ghi mức thuế suất thuế giá trị gia tăng thấp hơn quy định thì xử lý bên bán như thế nào?

- a. Được lập lại hoá đơn mới theo đúng thuế suất quy định.
- b. Phải kê khai, nộp thuế theo mức thuế suất ghi trên hoá đơn.
- c. Phải kê khai, nộp thuế theo mức thuế suất quy định.
- d. Không phải kê khai, nộp thuế.

Câu 18. Khi cơ quan thuế thanh tra, kiểm tra thuế phát hiện trường hợp hoá đơn ghi mức thuế suất Thuế giá trị gia tăng thấp hơn quy định thì xử lý bên mua như thế nào?

- a. Yêu cầu bên bán lập lại hoá đơn mới theo đúng thuế suất quy định và được kê khai bổ sung.
- b. Khấu trừ thuế đầu vào theo thuế suất ghi trên hoá đơn.
- c. Được khấu trừ thuế đầu vào theo thuế suất quy định.
- d. Không được khấu trừ đầu vào.

Câu 19. Doanh nghiệp A có hoá đơn giá trị gia tăng mua vào lập ngày 12/05/20XX. Trong kỳ kê khai thuế tháng 5/20XX, doanh nghiệp A bỏ sót không kê khai hoá đơn này. Thời hạn kê khai, khấu trừ bổ sung tối đa là vào kỳ khai thuế tháng mấy?

- a. Tháng 8/20XX.
- b. Tháng 9/20XX.

- c. Không giới hạn thời gian khấu trừ
- d. Tháng 11/20XX.

Câu 20. Điều kiện khấu trừ Thuế giá trị gia tăng đầu vào đối với hàng hoá, dịch vụ từ 20 triệu đồng trở lên được bổ sung thêm quy định nào sau đây:

- a. Có hoá đơn giá trị gia tăng.
- b. Có chứng từ thanh toán qua ngân hàng.
- c. Cả hai đáp án trên.

Câu 21. Trường hợp nào không được coi là thanh toán qua ngân hàng để được khấu trừ Thuế giá trị gia tăng đầu vào đối với hàng hoá, dịch vụ từ 20 triệu đồng trở lên:

- a. Bù trừ công nợ.
- b. Bù trừ giữa giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào với giá trị hàng hoá, dịch vụ bán ra.
- c. Thanh toán uỷ quyền qua bên thứ 3 thanh toán qua ngân hàng.
- d. Chứng từ nộp tiền mặt vào tài khoản bên bán.

Câu 22. Số thuế giá trị gia tăng phải nộp theo Phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng được xác định bằng (=)?

- a. Số thuế giá trị gia tăng đầu ra trừ (-) số thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ.
- b. Tổng số thuế giá trị gia tăng đầu ra
- c. Giá trị gia tăng của hàng hoá, dịch vụ chịu thuế bán ra nhân (x) với thuế suất thuế giá trị gia tăng của loại hàng hoá, dịch vụ đó.
- d. Tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ chịu thuế bán ra nhân (x) với thuế suất thuế giá trị gia tăng của loại hàng hoá, dịch vụ đó.

Câu 23. Phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng áp dụng đối với đối tượng nào sau đây?

- a. Cá nhân, hộ kinh doanh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật.
- b. Tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh không theo Luật Đầu tư và các tổ chức khác không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật.
- c. Hoạt động kinh doanh mua bán, vàng, bạc, đá quý, ngoại tệ.
- d. Cả ba đáp án trên đều đúng.

Câu 24. Hoá đơn, chứng từ mua, bán, sử dụng nào dưới đây được coi là không hợp pháp:

- a. Mua, bán, sử dụng hoá đơn đã hết giá trị sử dụng.

- b. Hoá đơn do Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế) phát hành do cơ quan thuế cung cấp cho các cơ sở kinh doanh.
- c. Hoá đơn do các cơ sở kinh doanh tự in để sử dụng theo mẫu quy định và đã được cơ quan Thuế chấp nhận cho sử dụng.
- d. Các loại hoá đơn, chứng từ đặc thù khác được phép sử dụng.

Câu 25. Cơ sở kinh doanh nào được hoàn thuế trong các trường hợp sau:

- a. Cơ sở kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế được hoàn Thuế giá trị gia tăng nếu trong 1 tháng liên tục trở lên có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết.
- b. Cơ sở kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế được hoàn Thuế giá trị gia tăng nếu trong 2 tháng liên tục trở lên có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết. Số thuế được hoàn là số thuế đầu vào chưa được khấu trừ hết của thời gian xin hoàn thuế.
- c. Cơ sở kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế nếu có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết trong tháng hoặc trong quý thì được khấu trừ vào kỳ tiếp theo.
- d. Cơ sở kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế được hoàn Thuế giá trị gia tăng nếu trong 4 tháng liên tục trở lên có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết. Số thuế được hoàn là số thuế đầu vào chưa được khấu trừ hết của thời gian xin hoàn thuế.

Câu 26. Đối với cơ sở kinh doanh nào dưới đây trong tháng có hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu được xét hoàn thuế theo tháng:

- a. Cơ sở kinh doanh trong tháng có hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu nếu Thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa xuất khẩu phát sinh trong tháng chưa được khấu trừ từ 100 triệu đồng trở lên thì được xét hoàn thuế theo tháng.
- b. Cơ sở kinh doanh trong tháng có hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu nếu Thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa xuất khẩu phát sinh trong tháng chưa được khấu trừ từ 150 triệu đồng trở lên thì được xét hoàn thuế theo tháng.
- c. Cơ sở kinh doanh trong tháng có hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu nếu Thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa xuất khẩu phát sinh trong tháng chưa được khấu trừ từ 200 triệu đồng trở lên thì được xét hoàn thuế theo tháng.
- d. Cơ sở kinh doanh trong tháng có hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu nếu Thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa xuất khẩu phát sinh trong tháng chưa được khấu trừ từ 300 triệu đồng trở lên thì được xét hoàn thuế theo tháng.

Câu 27. Đối tượng và trường hợp nào sau đây được hoàn Thuế giá trị gia tăng:

- a. Cơ sở kinh doanh có quyết định xử lý hoàn thuế của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- b. Đối tượng được hưởng ưu đãi miễn trừ ngoại giao theo quy định của Pháp lệnh về ưu đãi miễn trừ ngoại giao.
- c. Hoàn thuế giá trị gia tăng đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức không hoàn lại hoặc viện trợ không hoàn lại, viện trợ nhân đạo.
- d. Cả 3 trường hợp trên

ĐĂNG KÝ HỌC ĐỂ XEM FULL TÀI LIỆU